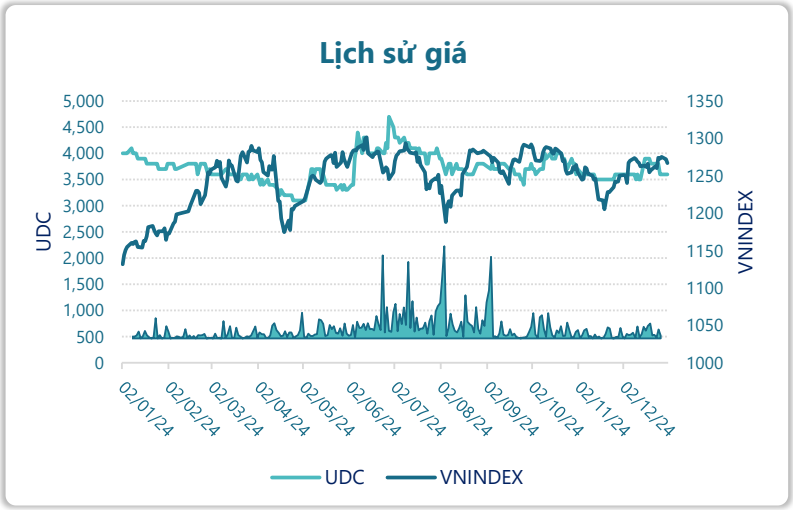
FireAnt

CTCP Xây dựng và Phát triển đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (UPCOM: UDC)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**3,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,100
SL cổ phiếu LH	34,706,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	14,860
% sở hữu nước ngoài	14.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	125
P/E	-3.1
EPS	-1,179

DT thuần

Q4/24

192

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 133| 223%

YoY: ▲ 145| 311%

LN sau thuế

Q4/24

-1.96

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 13.0| 86.9%

YoY: ▲ 17.5| 89.9%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

-3.5%

+/- YoY: ▲ 45.4%

DT thuần

2024

342

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 246| 256%

LN sau thuế

2024

-46.3

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 33.1| 41.6%

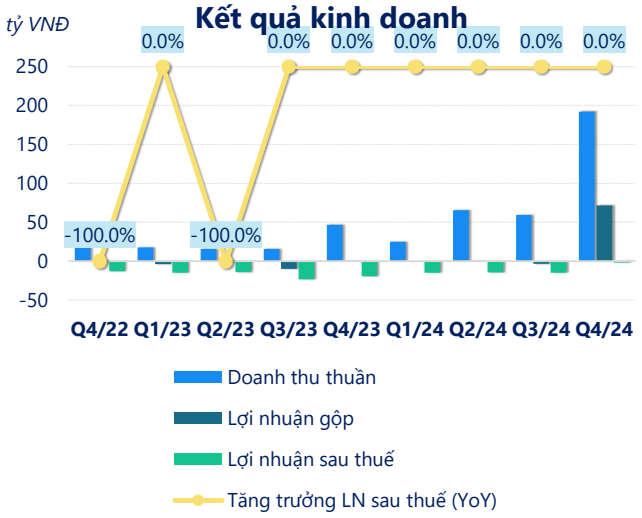
ROE

2024

-18.0%

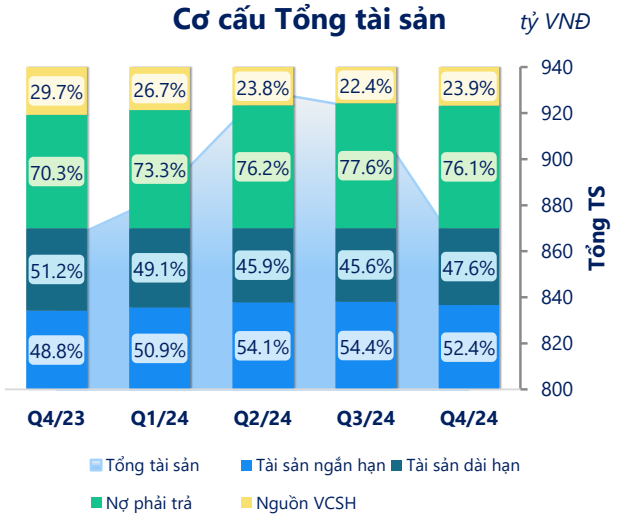
+/- YoY: ▲ 7.3%

Kết quả kinh doanh



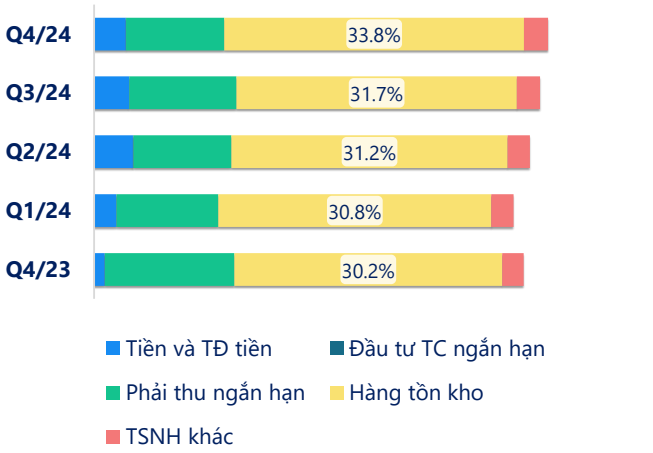
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



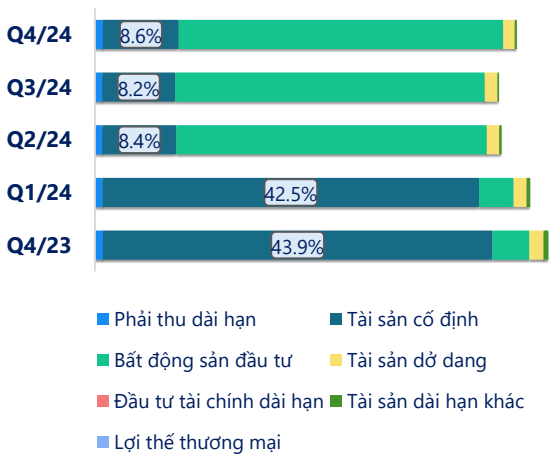
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



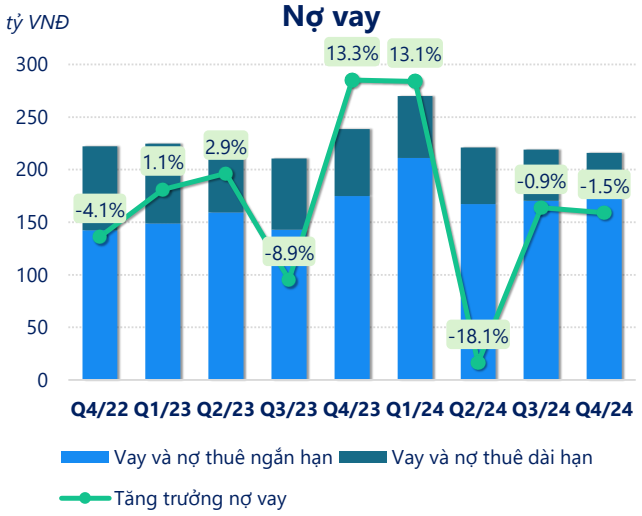
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



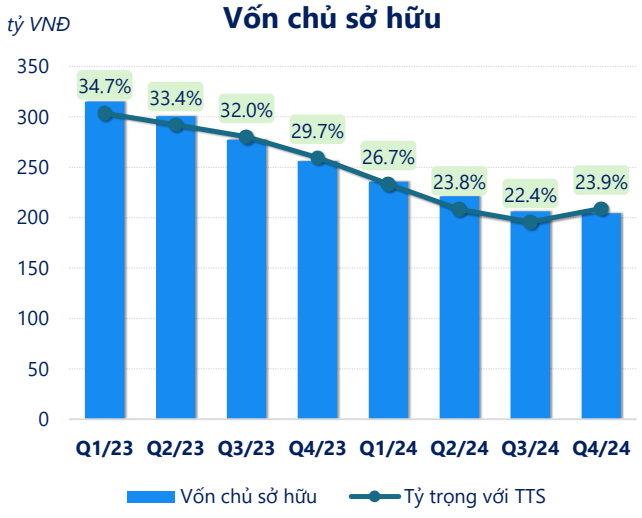
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



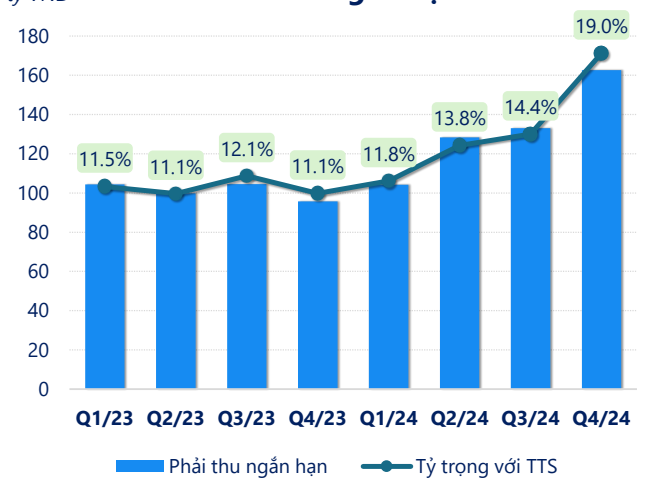
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



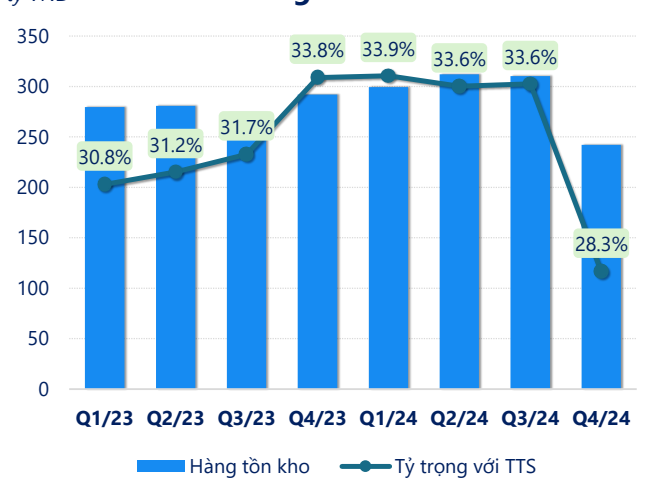
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



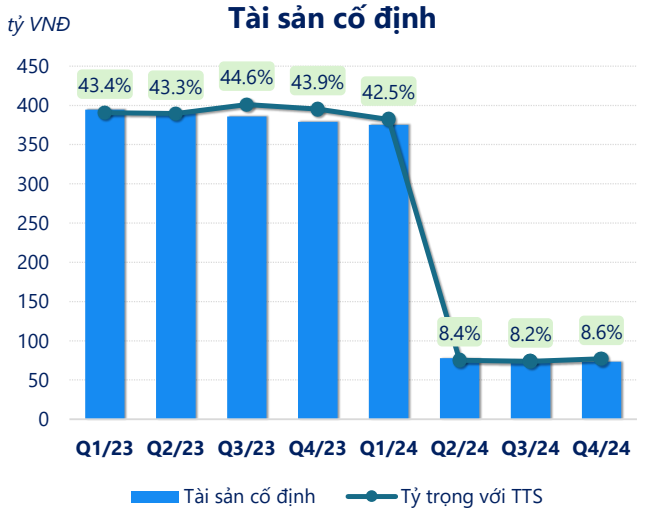
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



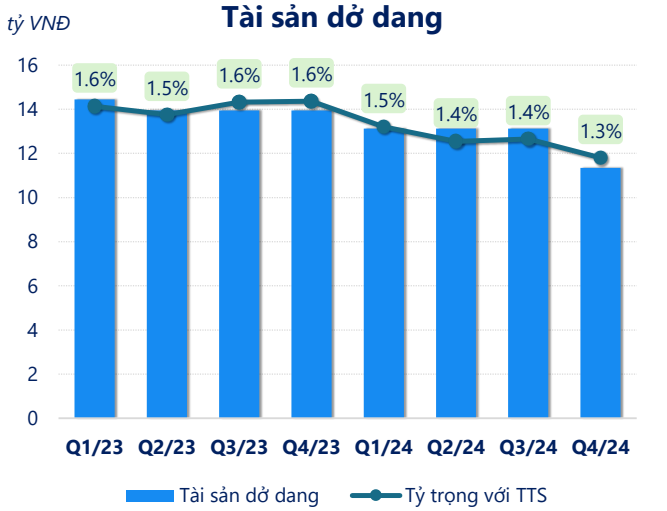
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



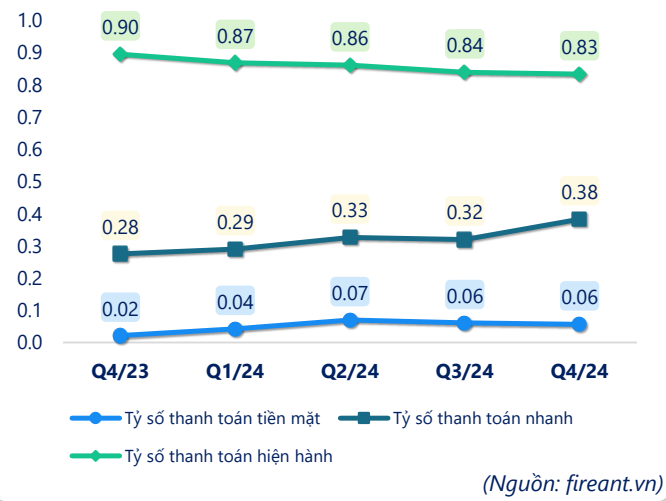
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



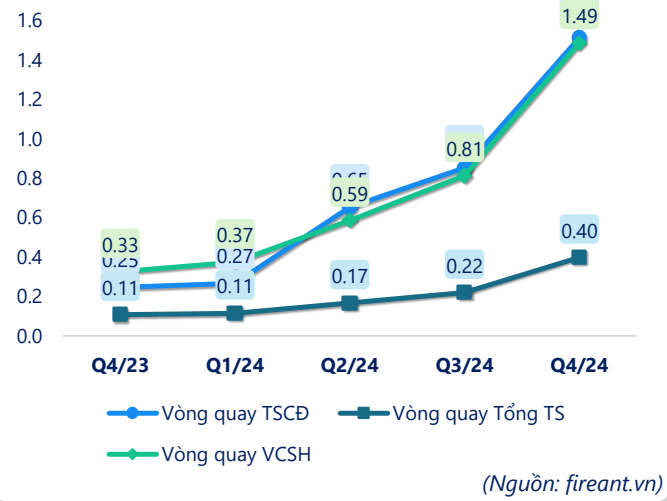
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**863**	**883**	**929**	**922**	**855**
Tài sản ngắn hạn	**421**	**449**	**503**	**502**	**448**
Tiền và tương đương tiền	10.2	22.1	40.8	36.3	30.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.40	0	5.96	5.96	0
Phải thu ngắn hạn	95.7	104	128	133	163
Hàng tồn kho	292	299	312	310	242
Tài sản ngắn hạn khác	23.3	23.9	15.6	16.0	12.7
Tài sản dài hạn	**441**	**434**	**427**	**420**	**407**
Phải thu dài hạn	7.72	7.72	7.72	7.72	7.74
Tài sản cố định	379	375	77.8	75.6	73.2
Bất động sản đầu tư	36.1	34.6	326	322	313
Tài sản dở dang	13.9	13.1	13.1	13.1	11.3
Đầu tư tài chính dài hạn	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tài sản dài hạn khác	4.54	3.54	2.45	1.74	1.85
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**607**	**648**	**708**	**716**	**650**
Nợ ngắn hạn	**471**	**517**	**584**	**598**	**538**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	175	211	167	170	172
Phải trả người bán ngắn hạn	76.5	82.1	79.1	85.2	89.8
Nợ dài hạn	136	130	124	118	113
Vay và nợ thuê dài hạn	63.8	58.8	53.8	48.8	43.8
Nguồn vốn chủ sở hữu	**256**	**236**	**221**	**206**	**204**
Vốn chủ sở hữu	**256**	**236**	**221**	**206**	**204**
Vốn điều lệ	350	350	350	350	350
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)